

LESSON 1**I. NEW WORDS**

1. Monday	: thứ Hai
2. Tuesday	: thứ Ba
3. Wednesday	: thứ Tư
4. Thursday	: thứ Năm
5. Friday	: thứ Sáu
6. Saturday	: thứ Bảy
7. Sunday	: Chủ nhật
8. today	: hôm nay